

Số: 2113/ TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 07 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu báo giá mua sắm vật tư can thiệp mạch vành

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho mua sắm vật tư can thiệp mạch vành với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phó khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản cứng có đóng dấu:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- Bản mềm: Báo giá (Excel), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF)

+ Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 phút ngày 24 tháng 07 năm 2024 đến trước 16h30p ngày 06 tháng 08 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



5. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư can thiệp mạch vành (*Chi tiết phụ lục 1 đính kèm*).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

3. Các thông tin khác: Mẫu báo giá chi tiết tại *Phụ lục 2* đính kèm.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo. *tm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 2113/TB - BVT ngày 23 tháng 07 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
1	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus có trộn polymer đường kính < 4.5mm	Cái	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc sirolimus hoặc Everolimus có trộn polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: Từ 2,25mm đến 4.0mm, (tối thiểu 5 cỡ). + Chiều dài: ≥ 8 mm. - Tiêu chuẩn FDA (Food and Drug Administration)	G7 hoặc Châu Âu	180
2	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus có trộn polymer đường kính 4.5mm	Cái	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc sirolimus hoặc Everolimus có trộn polymer - Kích cỡ stent: + Đường kính: 4.5mm. + Chiều dài: ≥ 8 mm; - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	10
3	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus không trộn polymer	Cái	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Sirolimus hoặc Everolimus không trộn polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính từ 2.5mm đến 4.0mm, (tối thiểu 5 cỡ). + Chiều dài ≥ 8mm. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	180

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
4	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus có trộn polymer đường kính <4.5mm	Cái	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus, có trộn polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: Từ 2.25mm đến 4.0mm, (tối thiểu 5 cỡ). + Chiều dài ≥ 8 mm. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		180
5	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus có trộn polymer đường kính 4.5mm	Cái	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc novolimus, có trộn polymer. - Kích cỡ stent: + Đường kính: 4.5mm. + Chiều dài ≥ 8 mm. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		20
6	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus không trộn polymer	Cái	- Chất liệu kim loại. - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc Novolimus, không trộn polymer - Kích cỡ stent: + Đường kính: từ 2,25mm đến 4,5mm (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: ≥ 8 mm (tối thiểu 6 cỡ, trong đó có cỡ 36mm). - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		180

2/2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
7	Khung giá đỡ dùng cho can thiệp mạch vành có màng bọc	Cái	- Chất liệu hợp kim. - Kích cỡ: + Đường kính: Từ 2.5mm đến 5.0mm, (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: $\geq 12\text{mm}$. - Phủ một lớp màng bọc ePTFE hoặc chất liệu electrospun polyurethane. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	10
8	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc. + Đường kính từ 2,5mm đến 4.0mm, (tối thiểu 4 cỡ). + Dài $\geq 15\text{mm}$ (tối thiểu 3 cỡ). - Áp suất NP $\geq 6\text{ bar}$. Áp suất RBP $\geq 16\text{bar}$. - Tương thích với ống thông 5F, 6F. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	50
9	Bóng nong mạch vành áp lực thường loại đường kính $< 1\text{mm}$	Cái	- Bóng nong có điểm cản quang. + Đường kính: $< 1.0\text{mm}$. + Chiều dài: $\geq 5\text{mm}$. - Chiều dài hệ thống của Catheter $\geq 140\text{ cm}$. - Tương thích với Guide wire 0.014". - Tương thích với Guiding Catheter $\geq 5\text{F}$.	G7 hoặc Châu Âu	100

2/2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
10	Bóng nong mạch vành áp lực thường loại đường kính $\geq 1.0\text{mm}$	Cái	- Bóng nong có điểm cân quang. + Đường kính: $\geq 1.0\text{mm}$, (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: $\geq 5\text{mm}$. - Chiều dài hệ thống của Catheter $\geq 140\text{ cm}$. - Tương thích với Guide wire 0.014". - Tương thích với Guiding Catheter $\geq 5\text{F}$	G7 hoặc Châu Âu	800
11	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Số điểm cân quang định vị bóng: 2. - Áp lực định mức: $\geq 12\text{atm}$ (bar). Áp lực tối đa: $\geq 20\text{atm}$(bar). - Chiều dài catheter (Độ dài trực): $\geq 140\text{ cm}$. - Lớp phủ ái nước Hydrophilic. - Kích thước bóng: + Đường kính: từ 2.0mm đến 5mm, (tối thiểu 6 cỡ). + Chiều dài: Từ 5mm đến 30mm, (tối thiểu 3 cỡ). - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	900
12	Bóng nong mạch vành có khía kim loại hoặc gắn lưỡi dao (Cutting Balloon)	Cái	- Bóng nong mạch vành có gắn lưỡi dao nhỏ. - Trục được phủ Hydrophilic. - Các lưỡi dao gắn dọc trên bề mặt ngoài của sản phẩm. - Đường kính: 2.0mm - 4.0mm, (tối thiểu có cỡ 2.0mm; 2.5mm). - Chiều dài $\geq 6\text{mm}$.		15

2/2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
13	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay dây dẫn ái nước	Bộ	- Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay ái nước bao gồm: + Vỏ sheath. + Que nong. + Van cầm máu (van an toàn). + Kim chọc mạch $\geq 20G$. + Dây dẫn làm bằng thép không gỉ hoặc hợp kim được phủ ái nước. - Các cỡ $\geq 5F$ (tối thiểu 2 cỡ), dài $\geq 10cm$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu.	G7 hoặc Châu Âu	600
14	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	Bộ	- Bộ dụng cụ mở đường đùi bao gồm: + Vỏ sheath. + Que nong. + Van cầm máu (van an toàn). + Dây dẫn đường làm bằng thép không gỉ, dài $\geq 45cm$. + Kim chọc mạch: $\geq 18G$. - Cỡ: $\geq 4F$, (ít nhất 4 cỡ, trong đó có cỡ 4F), dài $\geq 10cm$ - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu.	G7 hoặc Châu Âu	200

Chữ ký

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
15	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước loại chiều dài < 260 cm	Cái	- Đường kính $\geq 0,035"$. - $150 \text{ cm} \leq \text{Chiều dài} < 260 \text{ cm}$ - Kết cấu lõi Nitinol. Lớp phủ ái nước. - Lớp ngoài có tính cản quang . - Có các kiểu đầu tip: đầu thẳng và đầu cong hoặc đầu thẳng và chữ J. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu.	G7 hoặc Châu Âu	1000
16	Dây dẫn đường ái nước cho Catheter loại chiều dài $\geq 260\text{cm}$	Cái	- Cấu tạo: + Lõi là hợp kim hoặc thép không gỉ hoặc Nitinol. + Lớp phủ ái nước. - Kích thước: + Chiều dài dây dẫn: $\geq 260\text{cm}$. + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: $\geq 3\text{cm}$. + Đường kính: $\geq 0.035"$. - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng và đầu cong hoặc đầu thẳng và chữ J. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu.	G7 hoặc Châu Âu	150
17	Dây dẫn đường bằng kim loại cho ống thông chẩn đoán	Cái	- Dây dẫn chẩn đoán. + Lõi làm bằng thép không gỉ. + Có định dạng đầu tip chữ J. + Kích cỡ $\leq 0.035"$. + Chiều dài từ 150cm đến 260cm. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu.		100

282

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
18	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch và mạch ngoại biên (Long sheath)	Cái	- Bộ bao gồm: 01 delator và 01 ống thông. - Thành ống thông (sheath) có cấu trúc 3 lớp. - Hình dáng: đầu thẳng và cong. - Kích cỡ: $\leq 8\text{Fr}$ - Dài $\leq 90\text{cm}$.		40
19	Catheter chụp động mạch vành 2 bên chiều dài $<120\text{cm}$.	Cái	- Tương thích guidewire $\geq 0.035"$. - Đường kính $\geq 4\text{Fr}$, chiều dài $< 120\text{cm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	600
20	Catheter chụp động mạch vành 2 bên chiều dài $\geq 120\text{cm}$.	Cái	- Tương thích guidewire $\geq 0.035"$ - Đường kính $\geq 4\text{Fr}$, chiều dài $\geq 120\text{cm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		300
21	Catheter chụp chẩn đoán tim và mạch vành loại mềm mại bên trái (JL), bên phải (JR), Pigtail (PIG).	Cái	- Tương thích guidewire $\geq 0.035"$. - Kích thước: + Đường kính $\geq 4\text{F}$, Tối thiểu có 03 dạng JR, JL, Pigtail (PIG). + Chiều dài $\geq 100\text{cm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		150

2/2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
22	Bộ phận kết nối	Cái	- Bộ kết nối (manifold): + Chịu áp lực cao $\geq 500\text{psi}$. + Có ≥ 2 cổng. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	900
23	Dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ trong can thiệp động mạch vành dài $> 180\text{cm}$.	Cái	- Vật liệu: Titan hoặc Platinum hoặc thép không gỉ. - Lớp phủ ngoài ái nước. - Kích thước: Đường kính 0.014", dài $> 180\text{cm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		100
24	Dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ trong can thiệp động mạch vành dài $\leq 180\text{cm}$.	Cái	- Vật liệu: Titan hoặc Platinum hoặc thép không gỉ. - Lớp phủ ngoài ái nước. - Kích thước: Đường kính 0.014", dài $\leq 180\text{cm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		800
25	Dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ trong can thiệp tắc mạch vành hoàn toàn mạn tính (CTO)	Cái	- Đầu tip thiết kế với công nghệ đa lõi - Công nghệ nhiều loại lớp phủ ái nước - Độ cân quang đầu tip dài 3,15 - 20 cm - Chiều dài: $\geq 180\text{ cm} - \leq 330\text{ cm}$. - Đầu tip dạng thẳng, đầu J, dạng uốn sẵn (Pre-shape) - Khả năng tải đầu tip từ 0,6 - 20 gf(tối thiểu 10 cỡ) - Đường kính đầu tip từ 0.008 - 0.014 inch(tối thiểu 6 cỡ)		20

2/2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
26	Vi ống thông (Micro catheter) trợ giúp dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ mạch vành	Cái	- Kính thước: + Đường kính ngoài: đoạn xa $\geq 1.8\text{Fr}$, đoạn gần $\geq 2.6\text{Fr}$. + Đường kính trong: đoạn xa $\geq 0.018"$, đoạn gần $\geq 0.021"$. + Chiều dài: $\geq 130\text{cm}$. - Tương thích guidewire 0.014". - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		20
27	Xilanh đầu xoáy các cỡ	Cái	- Bơm tiêm thuốc cân quang có đầu xoáy. - Dung tích từ 1ml đến 10ml (tối thiểu có cỡ 1ml, 3ml, 10ml).		1000
28	Catheter thông tim	Cái	- Cấu tạo: ≥ 2 lớp. - Kích thước: + Đường kính: $\geq 4\text{Fr}$ (tối thiểu có cỡ 5Fr). + Chiều dài: $\geq 100\text{cm}$. - Tương thích guidewire: $\geq 0.035"$.		15
29	Ống thông (Guiding catheter) hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp tắc động mạch vành phức tạp	Cái	- Các cỡ $\geq 6\text{F}$, (tối thiểu có cỡ 6F). - Lớp phủ ái nước. - Chiều dài $\geq 150\text{cm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	G7 hoặc Châu Âu	30

2/2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
30	Dụng cụ đóng động mạch đùi bằng chỉ ngoại khoa	Cái	- Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa polypropylene. - Khả năng đóng mạch máu có kích thước 5F – 21F (động mạch) và 5F – 24F (tĩnh mạch) - Cơ chế kéo cắt (QuickCut) trên thân dụng cụ. - Nút thắt được tạo sẵn. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		50
31	Dụng cụ đóng động mạch đùi bằng móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch	Cái	- Cấu tạo gồm các thành phần sau: + Dụng cụ đóng mạch. + 01 dây dẫn cỡ $\geq 0.035"$, dài $\geq 70\text{cm}$. + 01 que nong(dilator). + 01 dụng cụ mở đường(sheath). - Cơ chế cầm máu với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch. - Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học. - Kích cỡ: $\geq 6\text{Fr}$ (Tối thiểu có cỡ 2 cỡ 6F và 8F). - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		60
32	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành	Bộ	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành bao gồm catheter bơm, hút có lớp phủ ái nước Tương thích với guidewire 0.014"	G7 hoặc Châu Âu	60

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
33	Ống thông trợ giúp can thiệp cho mạch vành loại đầu cong có EBU	Cái	- Kích thước: Tối thiểu 3 cỡ 5Fr, 6Fr, 7 Fr. Chiều dài $\geq 90\text{cm}$. - Tối thiểu có các loại đầu cong đặc biệt JL, JR, AL, AR và EBU. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		400
34	Ống thông trợ giúp can thiệp cho mạch vành loại đầu cong không có EBU	Cái	- Kích thước: Tối thiểu 3 cỡ 5Fr, 6Fr, 7 Fr. Chiều dài $\geq 90\text{cm}$. - Tối thiểu có các loại đầu cong đặc biệt JL, JR, AL, AR. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		80
35	Kim chọc mạch đùi	Cái	- Kích thước: 18G. - Chất liệu: thép không gỉ. - Nòng trong đi được Guidewire $\geq 0,035''$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		300
36	Bộ bơm bóng áp lực cao	Cái	- Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm: + Bơm có đồng hồ đo áp suất kèm dây chịu áp lực $\geq 500\text{ psi}$. + Phụ kiện: Bộ kết nối chữ Y có van cầm máu có dây nối; Kim luồn dây dẫn (insertion tool); Dụng cụ xoay dây dẫn (torque). - Dung tích bơm: $\geq 20\text{ml}$. - Áp lực bơm: $\geq 30\text{atm}$. - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		500

nh

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng
37	Dây bơm thuốc áp lực cao	Cái	Dây nối áp lực cao có bện xoắn: 02 đầu nối khóa, nắp đậy , 01 đoạn ống dây nối áp lực cao và có nút chặn. Áp lực tối đa: ≥ 1200 psi. Đường kính trong: ≥ 1.8 mm. Đầu nối hình côn Chiều dài: ≥ 50 cm - Tiêu chuẩn CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.		250

rk

PHỤ LỤC 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 2113/TB-BVT ngày 23/ 07/ 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại DD:
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá Thông báo số 2113/TB-BVT ngày 23/ 07/ 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Danh mục thiết bị y tế (3)	Ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ- BYT ngày 04/11/2021 (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Đạt tiêu chuẩn (7)	Mã HS (8)	Phân loại TTBYT (A,B,C,D) (9)	Năm sx (10)	Hãng/ nước chủ sở hữu (11)	Hãng/Nước sản xuất (12)	Quy cách đóng gói (13)	Đơn vị tính (14)	Số lượng (15)	Đơn giá (VNĐ) (16)	Thành tiền (VNĐ) (17)
1																
2																

Ghi chú:

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(16) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có))

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày] .

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)